

WEEKEND HOMEWORK: JOBS AND PROFESSIONS

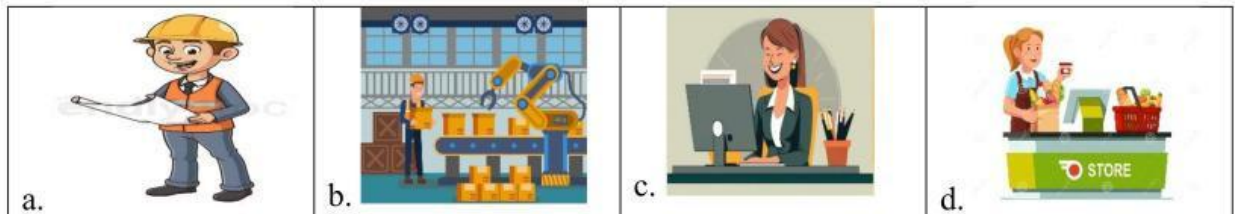
I. Look and match (Nhìn và nối)

(Nói từ tiếng Anh ở cột A với nghĩa/mô tả hoặc cụm từ tương ứng ở cột B)

Column A	Column B
1. a pilot	A. a person who makes bread and cakes
2. a dentist	B. a person who works on a farm
3. a farmer	C. a person who takes care of your teeth
4. a baker	D. a person who flies an airplane

II. Listen and number (Nghe và đánh số)

(Phụ huynh/giáo viên đọc file nghe ở phần cuối, học sinh nghe và nói số thứ tự với đúng nghề nghiệp)



1 -



2 -



3 -



4 -



III. Choose and fill in the blanks (Chọn từ trong hộp và điền vào chỗ trống)

[dentist / What / Who / want / an]

- _____ is she? - She's a nurse.
- _____ do you want to be?
- I want to be _____ engineer.
- What does your mother do? - She's a _____.
- I _____ to be a firefighter.

IV. Rearrange the words (Sắp xếp lại các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh)

1. he / Who's / ?

☞

2. a / want / I / to / be / pilot / .

☞

3. your / do / What / does / mother / ?

☞

4. is / He / police / a / officer / .

☞

V. Look and write (Nhìn gợi ý và viết câu hoàn chỉnh)



1. Who's he?

☞ He's



2. Who's she?

☞ She's

3. What do you want to be?



☞ I want to be

4. What does your father do?



☞ He's